

QUYẾT ĐỊNH

Quy định danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường do Ủy ban nhân dân phường trình, quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân phường Cẩm Thành

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CẨM THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Quy định tổng mức chi trong xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường, quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường tại Tờ trình số 138/TTr-VP ngày 28 tháng 9 năm 2026 về việc ban hành Quyết định quy định nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường do Ủy ban nhân dân phường trình, quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân phường; ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân phường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường do Ủy ban nhân dân phường trình, quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân phường

1. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường do Ủy ban nhân dân phường trình, quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân phường (*sau đây viết tắt là văn bản quy phạm pháp luật của phường*) được quy định cụ thể tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

2. Trường hợp cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của phường thì các nhiệm vụ, hoạt động và sản phẩm cụ thể đã thực hiện trước thời điểm có quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt nhiệm vụ xây dựng thì được thanh, quyết toán theo định mức khoán chi quy định tại khoản Điều này.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của phường do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các nhiệm vụ, hoạt động liên quan đến việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của phường từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được thanh toán, quyết toán thì được thanh toán, quyết toán theo định mức khoán chi quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì soạn thảo; thẩm định; tổng hợp, rà soát hồ sơ trình, ban hành văn bản quy phạm pháp luật căn cứ tình hình thực tế của đơn vị, định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động

theo danh mục nhiệm vụ, hoạt động tại khoản 1 Điều 1 và các Phụ lục kèm theo Quyết định này để quyết định về mức chi đối với từng hoạt động, nhiệm vụ cụ thể do cơ quan, đơn vị mình thực hiện khi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tương xứng với mức độ quan trọng, phức tạp của từng nhiệm vụ, hoạt động và bảo đảm tính công khai, minh bạch, có hiệu quả.

2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường; Thủ trưởng các phòng, ban, ngành phường; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính;
- TT Đảng ủy, TT HĐND phường;
- TT Đảng ủy UBND phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- Ủy ban MTTQVN phường;
- Công an phường;
- Bộ Chỉ huy Quân sự phường;
- VPHĐND&UBND phường: CVP, các PCVP, CV;
- Trang TTĐT phường;
- Lưu: VT, VP.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hưng

PHỤ LỤC I

Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho nhiệm vụ soạn thảo, tổng hợp, rà soát hồ sơ đối với nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường do Ủy ban nhân dân phường trình
(Kèm theo Quyết định số: 2177 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường)

STT	Hoạt động, nhiệm vụ	Sản phẩm <i>(Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành hoặc thông qua)</i>	Định mức khoán chi (đồng)		
			Nghị quyết của HĐND phường xây dựng mới/thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung một số điều của từ 02 nghị quyết trở lên	Nghị quyết của HĐND phường sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 nghị quyết	Nghị quyết của HĐND phường bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ nghị quyết
I	ĐĂNG KÝ XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, LẬP DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC GIAO		500.000	300.000	150.000
1	Đăng ký xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Đề xuất danh mục văn bản quy định các nội dung được giao tại luật, nghị quyết của Quốc hội gửi Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	Dự thảo Tờ trình và danh mục theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BTP. Văn bản và danh mục theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo	300.000	180.000	90.000

	phường tổng hợp <i>(Do cơ quan soạn thảo thực hiện)</i> ¹	Thông tư số 26/2025/TT-BTP			
2	Tiếp nhận, kiểm tra, tham mưu cơ quan, người có thẩm quyền thống nhất đăng ký xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; thống nhất danh mục văn bản quy phạm pháp luật quy định các nội dung được giao <i>(do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường thực hiện)</i> ⁴	Công văn/Tờ trình và danh mục	200.000	120.000	60.000
II	NHIỆM VỤ SOẠN THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT¹		2.700.000	1.620.000	810.000
3	Xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo Tờ trình; lấy ý kiến tham gia góp ý dự thảo văn bản; lấy ý kiến phản biện xã hội	Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Dự thảo Tờ trình và văn bản lấy ý kiến	1.500.000	900.000	450.000
4	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia góp ý dự thảo văn	Bản tổng hợp và dự thảo văn bản	200.000	120.000	60.000

¹ Do cơ quan soạn thảo lập dự toán.

	bản, ý kiến phản biện xã hội và hoàn thiện dự thảo văn bản				
5	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật; Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản (<i>đối với trường hợp ban hành Nghị quyết tại các điểm b, c khoản 1 Điều 22 của Luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; đối với trường hợp ban hành Quyết định quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 22 của Luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15</i>)	Một hoặc nhiều Báo cáo	500.000	300.000	150.000
6	Xây dựng văn bản đề nghị thẩm định; xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; ý kiến thẩm tra (<i>đối với dự thảo Nghị quyết</i>) và hoàn thiện dự thảo văn bản	Văn bản đề nghị, Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình và dự thảo văn bản	500.000	300.000	150.000

III	NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT²		2.500.000	1.500.000	750.000
7	Tổ chức cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản	Biên bản họp/Văn bản ý kiến	800.000	480.000	240.000
8	Xây dựng Báo cáo thẩm định	Báo cáo	1.700.000	1.020.000	510.000
IV	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÌNH CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH³		300.000	180.000	90.000
9	Tiếp nhận, rà soát lại dự thảo văn bản, chuẩn bị hồ sơ phục vụ phiên họp của Ủy ban nhân dân phường hoặc lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân phường	Biên bản họp/Thông báo kết luận/Văn bản lấy ý kiến	300.000	180.000	90.000
Tổng định mức			6.000.000	3.600.000	1.800.000

² Do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường lập dự toán.

³ Do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường lập dự toán.

PHỤ LỤC II
Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động
trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân phường
(Kèm theo Quyết định số: 2177 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường)

STT	Hoạt động, nhiệm vụ	Sản phẩm <i>(Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành hoặc thông qua)</i>	Định mức khoán chi <i>(đồng)</i>		
			Quyết định của UBND phường xây dựng mới/thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung một số điều của từ 02 quyết định trở lên	Quyết định của UBND phường sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 quyết định	Quyết định của UBND phường bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định
I	ĐĂNG KÝ XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, LẬP DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC GIAO		500.000	300.000	150.000
10	Đăng ký xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Đề xuất danh mục văn bản quy định các nội dung được giao tại luật, nghị quyết của Quốc hội gửi Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường tổng hợp <i>(Do cơ quan soạn thảo</i>	Dự thảo Tờ trình và danh mục theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BTP. Văn bản và danh mục theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo	300.000	180.000	90.000

	<i>thực hiện</i>) ¹	Thông tư số 26/2025/TT-BTP			
11	Tiếp nhận, kiểm tra, tham mưu cơ quan, người có thẩm quyền thống nhất đăng ký xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; thống nhất danh mục văn bản quy phạm pháp luật quy định các nội dung được giao (<i>do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường thực hiện</i>) ⁴	Công văn/Tờ trình và danh mục	200.000	120.000	60.000
II	NHIỆM VỤ SOẠN THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT⁴		3.700.000	2.220.000	1.110.000
12	Xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo Tờ trình; lấy ý kiến tham gia góp ý dự thảo văn bản; lấy ý kiến phản biện xã hội	Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Dự thảo Tờ trình và văn bản lấy ý kiến	2.000.000	1.200.000	600.000
13	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia góp ý dự thảo văn bản, ý kiến phản biện xã hội và hoàn thiện dự thảo văn bản	Bản tổng hợp và dự thảo văn bản	500.000	300.000	150.000

⁴ Do cơ quan soạn thảo lập dự toán.

14	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật; Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản <i>(đối với trường hợp ban hành Nghị quyết tại các điểm b, c khoản 1 Điều 22 của Luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; đối với trường hợp ban hành Quyết định quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 22 của Luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15)</i>	Một hoặc nhiều Báo cáo	700.000	420.000	210.000
15	Xây dựng văn bản đề nghị thẩm định; xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; ý kiến thẩm tra <i>(đối với dự thảo Nghị quyết)</i> và hoàn thiện dự thảo văn bản	Văn bản đề nghị, Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình và dự thảo văn bản	500.000	300.000	150.000
III	NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT⁵		3.500.000	2.100.000	1.050.000

⁵ Do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường lập dự toán.

16	Tổ chức cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản	Biên bản họp/Văn bản ý kiến	1.000.000	600.000	300.000
17	Xây dựng Báo cáo thẩm định	Báo cáo	2.500.000	1.500.000	750.000
IV	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÌNH CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH⁶		300.000	180.000	90.000
18	Tiếp nhận, rà soát lại dự thảo văn bản, chuẩn bị hồ sơ phục vụ phiên họp của Ủy ban nhân dân phường hoặc lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân phường	Biên bản họp/Thông báo kết luận/Văn bản lấy ý kiến	300.000	180.000	90.000
Tổng định mức			8.000.000	4.800.000	2.400.000

⁶ Do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường lập dự toán.